

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực
Tur pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Văn bằng,
chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân
tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3392/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020;

Căn cứ Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 14/01/2020 của UBND tỉnh về rà soát, đánh giá đơn giản hóa thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính các lĩnh vực

Tur pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Văn bằng, chứng chỉ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020

(Có Phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính kèm theo)

Điều 2. Giao Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND cấp huyện; Công an thành phố, thị xã; Bảo hiểm xã hội cấp huyện; UBND cấp xã; và các đơn vị có liên quan:

1. Trên cơ sở Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và các Quyết định công bố Danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh tiến hành triển khai, áp dụng thực hiện việc cắt giảm thời gian tại cơ quan, đơn vị khi tiếp nhận giải quyết các TTHC của cá nhân, tổ chức.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo; Trưởng Công an thành phố, thị xã; Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP (để báo cáo);
- Chủ tịch và Các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin- GTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KS2.
(L- 32b).



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Trì

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

1. Nội dung đơn giản hóa:

- Nội dung: Cắt giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính gồm các lĩnh vực: Tư pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Văn bằng, chứng chỉ. Trong đó: 10 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh, 06 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

- Lý do: Trong quá trình thực hiện, xét thấy quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, thực tế không sử dụng hết số ngày làm việc như quy định. Vì vậy, Sở Tư pháp và Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính của 18 TTHC trên tổng số 448 TTHC, nhờ vậy sẽ tạo điều kiện thuận lợi về thời gian cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

2. Kiến nghị thực thi:

Ban hành Quyết định công bố thực hiện giảm thời gian giải quyết của 18 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực: Tư pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội; Giáo dục và Đào tạo; Văn bằng, chứng chỉ. Trong đó: 10 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh, 06 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện; 02 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

2. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

Giảm được thời gian tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá, tiết kiệm được chi phí và thời gian cho các đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết:

- Thời gian thực hiện TTHC cắt giảm cao nhất đạt 33,3 % so với quy định.

- Thời gian thực hiện TTHC cắt giảm thấp nhất đạt 8,3% so với quy định.

*** Thủ tục hành chính cắt giảm thời gian thực hiện, cụ thể như sau:**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian cắt giảm (ngày)	Thời gian thực hiện sau cắt giảm (ngày)	Tỷ lệ (%)	Cấp thực hiện
I. Lĩnh vực: Tư pháp, Công an, Bảo hiểm xã hội						

Số TT	Tên thủ tục hành chính		Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian cắt giảm (ngày)	Thời gian thực hiện sau cắt giảm (ngày)	Tỷ lệ (%)	Cấp thực hiện
1	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 06 tuổi		15	5	10	33,3	UBND cấp xã, Công an thành phố, thị xã, BHXH cấp huyện
II. Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo							
1	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên		24	02	22	8,3	UBND tỉnh
2	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học		20	05	15	25	
3	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục		16	02	14	12,5	
4	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục		16	04	12	25	
5	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học		12	02	10	16,7	
6	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn trở lại		12	02	10	16,7	
7	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh		10	02	08	20	
8	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số		10	02	08	20	
9	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	CSGD công lập	10	02	08	20	UBND tỉnh
		CSGD ngoài công lập	32	04	28	12,5	
10	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại		16	02	14	12,5	UBND cấp huyện

Số TT	Tên thủ tục hành chính		Thời gian giải quyết theo quy định (ngày)	Thời gian cắt giảm (ngày)	Thời gian thực hiện sau cắt giảm (ngày)	Tỷ lệ (%)	Cấp thực hiện
11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại		16	02	14	12,5	
12	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại		12	02	10	16,7	
13	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại		16	02	14	12,5	
14	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	CSGD công lập	10	02	08	20	
		CSGD ngoài công lập	32	04	28	12,5	
15	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		16	02	14	12,5	UBND cấp xã
III. Lĩnh vực: Văn bằng, chứng chỉ							
1	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp		12	02	10	16,7	UBND tỉnh